TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 22 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 2 năm 2021 về việc *"Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* của người yêu cầu:

- Ông Đỗ Đình T - Sinh năm: 1980.

- Và bà Vũ Thị Việt T1 - Sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Phòng 201, Chung cư K4, Tổ 62 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 152, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 12/12/2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Phòng 201, Chung cư K4, Tổ 62 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, tôn trọng nhau, ông Thế chơi lô đề gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tại phiên hòa giải ngày 04/02/2021, ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn tình cảm nên ông bà thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 xác định có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Đỗ Như N- Sinh ngày: 19/10/2009 và Đỗ Thanh V- Sinh ngày: 07/4/2012 cho bà Vũ Thị Việt T1 trực tiếp nuôi

dưỡng, ông Đỗ Đình T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/1 con/ 1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2021 và vào ngày 15 hàng tháng.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 xác định không có tài sản chung.

[4] *Về nợ chung:* Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008659 ngày 04/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 04 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về thoả thuận thuận tình ly hôn của ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 thuận tình ly hôn.

(Giấy đăng ký kết hôn số 152, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 12/12/2008 tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng).

- *Về con chung*: Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 xác định có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Đỗ Như N- Sinh ngày: 19/10/2009 và Đỗ Thanh V- Sinh ngày: 07/4/2012 cho bà Vũ Thị Việt T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Đình T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/1 con/ 1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2021 và vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Vũ Thị Việt T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đỗ Đình T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Đỗ Đình T phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số số 0008659 ngày 04/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Đỗ Đình T và bà Vũ Thị Việt T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Hòa Thuận Tây;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền